

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HS-PT

Ngày: 24-01-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2024/TLPT-HS ngày 20 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo Đặng Thành T và Nguyễn Công L do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 94/2024/HSST ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Đặng Thành T, sinh ngày 22/12/2006 tại tỉnh Trà Vinh; nơi đăng ký thường trú: Số C ấp L, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp L, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 6/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Đặng Thành D, sinh năm 1980 và bà Trần Thị Mỹ T1, sinh năm 1988; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. Nguyễn Công L, sinh năm 2003 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số A ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 6/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Công N, sinh năm 1983 và bà Lư Thị Thu N1, sinh năm 1984; vợ: Ngô

Quỳnh T2, sinh năm 2006; con: có 01 con sinh năm 2023; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo T: Ông Hồ Tấn P – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B; có mặt.*

Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo Lê Nguyễn Huy T3 nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 01 năm 2023 đến tháng 8 năm 2023, trên địa bàn thành phố B, huyện G, tỉnh Bến Tre, Đặng Thành T, sinh ngày 22/12/2006 (16 tuổi 04 tháng) cùng Nguyễn Công L, Lê Nguyễn Huy T3, sinh ngày 03/12/2005 (17 tuổi 01 tháng 28 ngày) đã có hành vi cố ý gây thương tích cho người khác, như sau:

Vụ thứ nhất:

Do có mâu thuẫn với Nguyễn Ngọc Mai H và Võ Huỳnh Kim Thor T4 trước nên Nguyễn Nhật Q nhờ bạn của Q là Trần Thị Yến N2 đánh Nguyễn Ngọc Mai H và Võ Huỳnh Kim T5. Phan Vi N3 (là bạn của N2) sau khi biết được việc Q nhờ N2 đi đánh H và T5 đã hẹn Q đến Quán C ở ấp A, xã M, thành phố B để nói chuyện liên quan đến việc này do không vừa ý việc Q là nam giới lại đi nhờ N2 là nữ giới đi đánh người.

Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 31/01/2023, trên đường đi đến quán cà phê Hiền Đ, N3 gặp và rủ Lê Nguyễn Huy T3 ra Quán C uống nước, T3 đồng ý. Trên đường đến quán, T3 gặp và rủ nhóm bạn gồm: Lê Thanh Gia B, Hồ Nguyễn Hoàng T6, Nguyễn Công L, Đặng Thành T và Huỳnh Thế Q1 cùng đến quán chứng kiến N3 và Q nói chuyện.

Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Khôi N4 chở Q đến Quán cà phê Hiền Đ. Lúc này, do thấy đông người nên chủ quán yêu cầu tất cả đi ra khỏi quán. Nhóm của N3 và Q đi qua một nhà hoang ở ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre nói chuyện. Tại đây, N3 và Q mâu thuẫn nên N3 dùng tay đánh vào mặt Q, dùng chân đạp vào người Q, sau đó nhặt khúc cây ở gần đó đánh Q nhưng không trúng, cây bị gãy. Q dùng tay đánh lại N3, thấy vậy Huỳnh Thế Q1 dùng tay đánh vào mặt Q, tiếp theo Hồ Nguyễn Hoàng T6 quật ngã Q xuống đất rồi cả nhóm gồm Nguyễn Công L, Lê Nguyễn Huy T3, Đặng Thành T, Huỳnh Thế Q1, Huỳnh Kim Tiến Đ1 là bạn của N3 xông vào dùng tay, chân đánh và đá vào người Quang dẫn

đến bất tỉnh.

Tại thời điểm đánh nhau có Nguyễn Ngọc Anh T7 chứng kiến việc Q bị đánh. T7 cùng bạn vào đỡ Q thì Trần Thị Thanh T8 nói với T7 tại sao T7 không vào bênh vực dẫn đến Q bị đánh. Lúc này, T7 có lời lẽ thách thức lại T8 thì bị Huỳnh Kim Tiến Đ1 dùng nón bảo hiểm đánh vào đầu T7 01 cái và Huỳnh Phong Đ2 dùng dao đâm vào vai trái của T7 gây thương tích.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) con dao bằng kim loại, tổng chiều dài 23cm, loại dao xếp, lưỡi dao màu trắng đen dài 10cm, chiều ngang lưỡi nơi rộng nhất 02cm, mũi nhọn, cán dao màu đen cam, vàng dài 13cm (của Huỳnh Phong Đ2, do Đ2 giao nộp); 01 (một) thanh gỗ hình trụ, màu đỏ, đen, dài 31cm (do Cơ quan điều tra thu giữ); 01 (một) thanh gỗ hình trụ, màu đỏ, đen, dài 51cm (do Cơ quan điều tra thu giữ).

Tại Bản kết luận giám định pháp y trẻ em bị hành hạ, ngược đãi số 87-23/KLNĐTE-TTPYBT ngày 06/4/2023 của Trung tâm Pháp y Sở y tế tỉnh B kết luận đối với thương tích của Nguyễn Nhật Q:

1. Các kết quả chính: Gãy hàm gò má phải không di lệch; Gãy xương chính mũi, gãy vách ngăn mũi không ảnh hưởng đến chức năng thở.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Nhật Q tại thời điểm giám định là: 14% (Mười bốn phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại thông tư.

3. Kết luận khác: Phân tích tỷ lệ từng vết thương: Gãy hàm gò má phải không di lệch: 07% căn cứ Chương 12 Mục II.4.1; Gãy xương chính mũi, gãy vách ngăn mũi không ảnh hưởng đến chức năng thở: 07% cứ Chương 12 Mục II.3.1. Cơ chế hình thành thương tích: do vật tày gây ra. Mẫu hai thanh gỗ gửi giám định có thể gây ra được thương tích cho Nguyễn Nhật Q.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 196-23/KLTTCT-TTPYBT ngày 06/6/2023 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh B kết luận đối với thương tích của Nguyễn Ngọc Anh T7:

1. Các kết quả chính: Sẹo vai trái kích thước trung bình.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Ngọc Anh T7 tại thời điểm giám định là: 02%.

3. Kết luận khác: Cơ chế hình thành thương tích do vật sắc nhọn gây ra.

Tại Bản kết luận giám định độ tuổi trên người sống Số 1696/KLGĐĐT-C09B ngày 06/3/2024 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ C1 tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Qua quá trình khám lâm sàng và kết quả cận lâm sàng, xác định tại thời điểm giám định (tháng 3 năm 2024) Đặng Thành T có độ tuổi từ 17 năm 06 tháng đến 18 năm.

Quá trình điều tra, Nguyễn Công L, Lê Nguyễn Huy T3 và Đặng Thành T đã khai nhận phù hợp với nhau về hành vi phạm tội của các bị cáo, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người chứng, phù hợp Kết luận giám định thương tích và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Vụ thứ hai:

Trương Bảo K có mâu thuẫn với nam thanh niên tên T6 (không xác định họ tên, địa chỉ cụ thể, là bạn của Đặng Thành T). Khoảng 19 giờ ngày 08/8/2023, Đặng Thành T và một nam thanh niên tên N4 (không xác định họ tên, địa chỉ cụ thể), Lê Nguyễn Ngọc T9 đang uống cà phê tại Quán cà phê Rãnh ở Phường H, thành phố B thì phát hiện Trương Bảo K, Trương Gia H1, Trần Gia T10 và một số người bạn của K đang uống cà phê tại đây thì T nói với nhóm bạn của mình “Tụi bây đi đi với tao đánh thằng K, đợi nó đi về theo đánh”. Đến 20 giờ cùng ngày, nhóm của Trương Bảo K ra về thì T, nam thanh niên tên N4 và Lê Nguyễn Ngọc T9 đuổi theo. Khi đến khu vực thuộc địa phận xã P, thành phố B thì gặp H1 và T10 đi cùng xe đạp điện. Lúc này, T, N4, T9 xông vào dùng tay đánh H1 (nhưng không gây thương tích).

Đến 21 giờ cùng ngày 08/8/2023, Trương Bảo K điện thoại cho T và cả hai hẹn ngày 09/8/2023 gặp nhau ở khu vực cầu C, ấp N, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre để giải quyết mâu thuẫn. Sau đó, T rủ Lê Thanh Gia B và Trần Hoàng K1 và nhắn tin qua ứng dụng Messenger cho người tên T9, P, T11, N5, K2, N4, K với nội dung rủ “tao đụng chuyện với mấy thằng dưới Mỹ L, mai đi với tao nha” ý của T là rủ cả nhóm ngày 09/8/2023 cùng với mình đi giải quyết mâu thuẫn với nhóm của Bảo K.

Khoảng 19 giờ ngày 08/9/2023, nhóm của T gồm: Lê Nguyễn Ngọc T9, Lê Thanh Gia B, Trần Hoàng K1 và các đối tượng tên P, N5, N4, T11, K, K2 (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) tập trung tại quán C2 ở Phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Tại đây, Lê Nguyễn Ngọc T9 chuẩn bị 02 dao tự chế, T9 giữ 01 dao và đưa K1 01 dao. Nhóm của T đến cầu C như đã hẹn, thấy B chở K1 có mang theo dao tự chế nên Thor dặn “Dao mác kỹ kỹ nhen bây”. T điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở P chạy trước, B chở K1, N4 chở T9, K chở K2 và tài chở N5 để đi tìm

K. Khi cả nhóm vừa qua cầu C hướng từ thành phố B về huyện G thì phát hiện nhóm của K đang đứng ở lề đường bên trái, T nói “tụi nó kia” thì B điều khiển xe chở K1 áp sát chỗ K đứng, K1 dùng dao chém vào người K gây thương tích sau đó cả nhóm tăng ga tẩu thoát khỏi hiện trường.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone, màu đen, màn hình điện thoại bị nứt, mặt sau lưng có hình trái táo bị khuyết của Đặng Thành T do T giao nộp.

Tại Bản kết luận giám định pháp y trẻ em bị hành hạ, ngược đãi số 407/23/KLNDTE-TTPYBT ngày 05/12/2023 của Trung tâm Pháp y Sở y tế tỉnh B kết luận đối với thương tích của Trương Bảo K:

1. Các kết quả chính: Sẹo mặt ngoài khuỷu tay phải kích thước trung bình; Sẹo ngực phải kích thước trung bình; Gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay phải.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trương Bảo K tại thời điểm giám định là: 24%, áp dụng phương pháp cộng tại thông tư. Thương tích của Trương Bảo K là do tác động của ngoại lực gây ra. Vật gây thương tích là vật sắc. Chiều hướng tác động: không thể xác định. Nếu dùng con dao tự chế chém trúng vào khuỷu tay phải của Trương Bảo K thì có thể gây ra thương tích như nêu trên không: không thể xác định.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 94/2024/HS-ST ngày 14/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Đặng Thành T, Nguyễn Công L phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm c, đ khoản 2 (thuộc điểm a, c, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 91; Điều 101; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Thành T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm c, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Công L 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về tội danh và trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lê Nguyễn Huy T3, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Cùng ngày 28/11/2024 các bị cáo Đặng Thành T và Nguyễn Công L kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và thừa nhận hành vi phù hợp bản án sơ thẩm đã nêu.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Đặng Thành T phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c, đ khoản 2 (thuộc điểm a, c, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự và bị cáo Nguyễn Công L phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm c, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng tội. Xét kháng cáo của các bị cáo, thấy rằng mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt Đặng Thành T 02 năm 06 tháng tù là phù hợp, xử phạt bị cáo Nguyễn Công L 02 năm tù là mức thấp nhất của của khung hình phạt, các bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ nên không đủ điều kiện được hưởng án treo. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm c, đ khoản 2 (thuộc điểm a, c, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 91; Điều 101; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Thành T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm c, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Công L 02 (hai) năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không tranh luận.

Người bào chữa cho bị cáo T cho rằng bản án sơ thẩm tuyên là đúng người đúng tội, tuy nhiên hình phạt 02 năm 06 tháng tù đối với bị cáo là nghiêm khắc, bị hại có đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận, đã bồi thường xong thiệt hại, gia đình bị cáo có công cách mạng, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo là người chưa thành niên. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo hưởng án treo.

Lời nói sau cùng, bị cáo T yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt; bị cáo L yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt để nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo và người bào chữa cho bị cáo T không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 31/01/2023, Đặng Thành T, Nguyễn Công L, Lê Nguyễn Huy T3 cùng với Phan Vi N3; Huỳnh Thế Q1; Huỳnh Kim Tiến Đ1; Hồ Nguyễn Hoàng T6 đã cố ý cùng nhau đánh Nguyễn Nhật Q, sinh ngày 19/4/2009 gây thương tích 14% tại khu vực nhà hoang ở ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Ngoài hành vi phạm tội cùng với Nguyễn Công L, Lê Nguyễn Huy T3 ra, khoảng 20 giờ ngày 09/8/2023, Đặng Thành T có hành vi xúi giục/rủ Lê Thanh Gia B, sinh ngày 27/02/2008 (15 tuổi 05 tháng 13 ngày) và Trần Hoàng K1, sinh ngày 25/10/2008 (14 tuổi 09 tháng 15 ngày), cùng với Lê Nguyễn Ngọc T9 sinh ngày 18/10/2007 (15 tuổi 09 tháng 22 ngày) dùng dao tự chế là hung khí nguy hiểm chém Trương Bảo K, sinh ngày 07/01/2009 (14 tuổi 07 tháng 02 ngày) gây thương tích 24% tại ấp N, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Với ý thức, hành vi và hậu quả đã xảy ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Đặng Thành T phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 2 “phạm tội 02 lần trở lên” và điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a “dùng hung khí nguy hiểm”, c “phạm tội đối với người dưới 16 tuổi”, i “có tính chất côn đồ” khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự và bị cáo Nguyễn Công L phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm c “phạm tội đối với người dưới 16 tuổi”, i “có tính chất côn đồ” khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đã xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Về tình tiết giảm nhẹ, các bị cáo “tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả”, “thành khẩn khai báo” theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo T được hưởng tình tiết “có người thân có công với đất nước”; bị cáo L được hưởng tình tiết “có nghĩa vụ nuôi con nhỏ” theo quy định tại khoản 2 Điều 51

Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T cung cấp Đơn xin giảm nhẹ của bị hại K yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo T hưởng án treo. Xét thấy mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo L 02 năm tù là mức thấp nhất của khung hình phạt, bị cáo T 02 năm 06 tháng tù do bị cáo phạm tội nhiều lần và là người dưới 18 tuổi là phù hợp nên được giữ nguyên. Các bị cáo phạm tội “Có tính chất côn đồ” nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của các bị cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử. Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo T không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Đặng Thành T, Nguyễn Công L phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1.1. Áp dụng điểm c, đ khoản 2 (thuộc điểm a, c, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 91; Điều 101; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Đặng Thành T** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.2. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm c, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Công L** 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội:

Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Đặng Thành T và Nguyễn Công L, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về tội danh và trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lê Nguyễn Huy T3, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre (6b);
- VKSND thành phố B (1b);
- Công an thành phố B (1b);
- Chi cục THADS thành phố B (1b);
- UBND xã Bình Phú, thành phố B (1b);
- UBND xã S, h.C, t.Trà Vinh (1b);
- Các bị cáo (2b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tỉnh